

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HIKARI GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HIKARI GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIKARI GLOBAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HIKARI GLOBAL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106941906

**3. Ngày thành lập:** 17/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà 2, Tổ 12, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 5954183

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                | 8299        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                             | 2220        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                        | 2740        |
| 5.  | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                               | 3211        |
| 6.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                     | 3290        |
| 7.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                                                                    | 2420        |
| 8.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                 | 2011        |
| 9.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 12. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                     | 2013        |
| 13. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                  | 2733        |
| 14. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật. | 4620        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                          | 4659(Chính) |
| 16. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                         | 3830        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 17. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1410                                                                |
| 18. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3212                                                                |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663                                                                |
| 20. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2410                                                                |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh;<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; | 4669                                                                |
| 22. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1920                                                                |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                         | 4759                                                                |
| 24. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                   | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 868.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN THỦY   | Tổ 1, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 34,56     | 091027295                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 34,56     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THANH TUẤN | Nhà 2, Tổ 12, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 28.400     | 284.000.000           | 32,72     | 001081008103                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 28.400     | 284.000.000           | 32,72     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                            |                   |        |             |       |           |  |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|-------|-----------|--|
| 3 | ĐOÀN NHƯ HẢI | Số 220 đường Tân Quang, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 28.400 | 284.000.000 | 32,72 | 090724609 |  |
|   |              |                                                                                            | Tổng số           | 28.400 | 284.000.000 | 32,72 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THÙY

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày sinh: 17/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091027295

Ngày cấp: 01/10/2008

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ 1, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ 1, Phường Gia Sàng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội